

Số: 49/2019/QĐST-HNGĐ

Khoái Châu, ngày 02 tháng 4 năm 2019.

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 49/2019/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 về việc “Hôn nhân và gia đình”, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1969.

Trú tại: Thôn X, xã H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Khắc D, sinh năm 1966.

Trú tại: Thôn X, xã H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 14/10/2005;

Người giám hộ cho cháu Hoàng Minh T là bà Hoàng Thị Đ và ông Hoàng Khắc D (bố, mẹ đẻ của cháu).

Đều HKTT: Thôn X, xã H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của BLTTDS năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25/3/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Hoàng Thị Đ và ông Hoàng Khắc D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Hoàng Thị Đ và bị đơn ông Hoàng Khắc D đều nhất trí thuận tình ly hôn nhau.

2.2. Về con chung: Bà Đ và ông D đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung, cháu lớn tên là Hoàng Quốc V, sinh ngày 15/3/1993 và cháu nhỏ là Hoàng Minh T, sinh ngày 14/10/2005. Khi ly hôn bà Đ và ông D thống nhất: Đối với cháu V đã trưởng thành, khỏe mạnh, phát triển bình thường và có thể tự lo cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết. Riêng đối với cháu T nếu ly hôn hai bên thống nhất giao cháu cho bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 02/4/2019 cho đến khi cháu trưởng thành. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên thống nhất ông D đóng góp cấp dưỡng hàng tháng nuôi cháu T cho bà Đ là 2.000.000đồng/01 tháng (hai triệu đồng trên một tháng) kể từ ngày 02/4/2018 cho đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi. Khi án có hiệu lực, bà Đ có yêu cầu thi hành án nếu ông D chậm trả tiền thì ông D còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Sau khi ly hôn ông D được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp và công sức đóng góp xây dựng của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Bà Đ và ông D đều khẳng định không yêu cầu Toà án đặt ra xem xét giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

2.4. Về án phí:

- *Án phí ly hôn sơ thẩm:* Bà Đ và ông D thống nhất để bà Đ nộp cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp theo biên lai thu số: 0001113 ngày 07/3/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Khoái Châu nên hoàn trả cho bà Đ 150.000 đồng.

- *Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung:* Ông D phải chịu 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã H;
- CCTHADS huyện KC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

PHẠM VĂN HUẤN